

STREAM

Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực

TẠP CHÍ STREAM

Học hỏi và trao đổi thông tin về đời sống của nông, ngư dân
Tập 1, Số 1 - Quý I/2002

Sáng kiến STREAM do AusAID, DFID, FAO, NACA và VSO tài trợ

MỤC LỤC

Học tập kinh nghiệm giải quyết tranh chấp Ronet Santos	3
Đào tạo trực tuyến nhằm mở rộng kiến thức về nguồn lợi thủy sản Robert T Raab và Jonathan Woods	5
Chiến lược sinh kế, giới, sự tham gia cộng đồng vào nuôi trồng thủy sản: Phát hiện từ nghiên cứu có sự tham gia cộng đồng ở vùng Tây Bắc Sri Lanka Lindsay J Pollock và David C Little	7
Nuôi tôm sú ở miền Trung Việt Nam Jesper Clausen	9
Sự phối hợp giữa các nhà hoạch định chính sách và đối tác Tô Phúc Tường	11
Vai trò của thông tin trong việc giải quyết khó khăn về dinh dưỡng của khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Georgina Cairns	13

LỜI NÓI ĐẦU

Học tập, giải quyết tranh chấp, công nghệ thông tin liên lạc, quản lý nguồn lợi thủy sản, vấn đề pháp lý, đời sống, giới, sự tham gia cộng đồng, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin là những chủ đề trong 6 bài viết được đăng trong số đầu tiên của Tạp chí STREAM này. Tạp chí STREAM nêu lên những ý kiến về các vấn đề và bối cảnh từ các góc độ khác nhau, để chúng ta có thể trao đổi một cách tổng quát. Mục đích của chúng tôi không phải là phê phán mà là cùng với các bạn đồng nghiệp nhìn nhận mọi vấn đề.

Tạp chí STREAM sẽ phát triển cùng với sự học hỏi và trao đổi của chúng ta để tạp chí có thêm nhiều thông tin có ích và gây hứng thú cho người đọc. Các bài viết trong tạp chí được viết dưới dạng ngôn ngữ đơn giản (cả trong bản tiếng Anh và tiếng Việt), để nhiều người đọc tiếp thu (một số khác có thể nâng cao hiểu biết ngôn ngữ chuyên ngành), và dễ dàng dịch sang ngôn ngữ địa phương để nhân dân các vùng có thể đọc tham khảo.

Số đầu tiên của Tạp chí STREAM mở đầu với hai bài viết về lĩnh vực đào tạo từ trực diện đến trực tuyến. Cả hai bài viết này đều cho rằng “kiến thức trong tầm tay bạn đọc”. Ba bài tiếp theo đưa ra vấn đề tham gia cộng đồng trong thử nghiệm và nghiên cứu do nông dân tự thực hiện, trong các chính sách của nhà nước, các sáng kiến pháp lý và hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Bài viết cuối cùng trao đổi thông tin về dinh dưỡng – một lĩnh vực liên quan tới tất cả chúng ta.

Tạp chí STREAM sẽ là một trong nhiều phương tiện thông tin mà chúng tôi hy vọng sẽ được phổ biến rộng rãi. Do đó, chúng tôi khuyến khích mọi độc giả tham gia trao đổi và tranh luận về nội dung của từng số tạp chí STREAM trên diễn đàn trao đổi của trang web của STREAM tại địa chỉ www.streaminitiative.org

Chúc các bạn tìm thấy sự hứng thú khi đọc Tạp chí của chúng tôi.

Graham Haylor, Giám đốc STREAM
William Savage, Biên tập viên Tạp chí STREAM

Học tập kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp
Ronet Santos

Một ngôi làng và một công ty

Ông Benyamin Tawaakng là người dân tộc Dayak ở miền Đông Kalimantan, Indônêxia. Ông sống trong rừng, cách trung tâm thị trấn Samarinda khoảng 300 km. Ông kiếm sống bằng nghề trồng mây, trồng lúa, săn bắn và đánh cá trên sông. Benyamin là trưởng thôn. Ông kể với chúng tôi rằng ông đã phải đi tù hơn bốn tháng, vì đã dẫn đầu dân làng đi đốt lán trại của một công ty muốn trồng cây cọ dầu trên mảnh đất của tổ tiên người Dayak. Ông cho biết công ty này đã xin phép chính phủ Indônêxia nhưng chưa bao giờ hỏi ý kiến người dân Dayak về việc này. Công ty từ chối thương lượng với họ, do đó họ buộc phải đốt lán trại của công ty.

Làng của ông Benyamin không muốn công ty này trồng cây cọ dầu trên đất tổ tiên của họ, vì cho rằng trồng loại cây này không đem lại lợi ích mà chỉ tàn phá rừng thôi. Công ty lập luận rằng việc trồng cây như vậy sẽ có lợi hơn cho nền kinh tế quốc dân của Indônêxia và cho cả người dân Dayak nữa. Benyamin biết rằng chính quyền, cảnh sát và quân đội địa phương rất ủng hộ việc làm của công ty này.

Đối thoại giữa các bên

Benyamin được chọn là một trong mười một thành viên tham gia chuyến đi khảo sát của SPARK ở Philipin vào tháng 8 và tháng 9 năm 2001. Cùng với 2 người Indônêxia, 3 người Thái Lan và 4 người Philipin khác, ông đã đến thăm và trao đổi với cộng đồng địa phương về kinh nghiệm giải quyết tranh chấp. Ông đặc biệt quan tâm đến cách thương lượng với nhóm người có quyền lực như những công ty lớn, và làm thế nào để hài hòa các lợi ích khác nhau của người dân trong cộng đồng của mình.

Trong chuyến khảo sát này, các thành viên đã được nghe luật sư Ipat Luna, một chuyên gia của Tổ chức Babilonia Wilner thuyết trình về cách thương lượng dựa vào lợi ích chung để tránh sự mặc cả dựa vào địa vị và quyền lực. Họ còn được nghe các chuyên gia khác nói về tầm quan trọng của một “sân chơi quyền lực” trong các cuộc thương lượng giải quyết tranh chấp. Benyamin có rất nhiều câu hỏi. Nếu như cộng đồng địa phương phải đối đầu với các lực lượng có thế lực, thì làm sao có được một “sân chơi bình đẳng”? Và đâu là sân chơi như vậy nếu một vài thành viên của cộng đồng được công ty đó tuyển dụng vào làm việc? Làm thế nào để một người có thể đáp ứng các lợi ích chung của cộng đồng?

Chuyến khảo sát đã cho Benyamin một cơ hội để trả lời tất cả những câu hỏi đó. Ông không được học từ sách vở, các khóa đào tạo chính thống hay từ chuyên gia nào cả, mà học được từ các cộng đồng ở những địa phương khác có cùng những mâu thuẫn như vậy. Những người thuyết trình trong chuyến khảo sát cho ông biết rằng căn cứ “pháp lý bổ sung” có thể cần thiết cho một “sân chơi bình đẳng”. Điều này cần được thực hiện để cho bên kia thấy rằng cộng đồng địa phương là nhân tố quan trọng, không được bỏ qua và buộc họ phải thương lượng với cộng đồng.

Hiểu biết và hành động

Thông qua các công cụ “đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng” (gọi tắt là PRA), như bản đồ nguồn lợi, lịch mùa vụ, các bài tập sắp xếp thứ tự, các bài tập về “nhu cầu và sự sợ hãi” và phân tích đối tác được cộng đồng địa phương người Philipin thực hiện ở Andra và Pangasinan, Benyamin đã “mô hình hóa” các tình huống và chiến lược cụ thể trong giải quyết tranh chấp. Nhưng trong quá trình mô hình hóa, Benyamin đã hiểu được các nguyên tắc cơ bản và bước đi trong giải quyết tranh chấp mà không sử dụng “bạo lực” để đạt được thỏa thuận. Ông học được hệ thống giải quyết tranh chấp có tính đến những lợi ích cơ bản của người dân. Benyamin có thể không trực tiếp chuyển tải hết các kinh nghiệm của những địa phương khác, nhưng việc trao đổi với họ đã cho ông một khoảng thời gian để phân tích tình hình ở cộng đồng của mình. Khi trở về nhà mình, ông dự định áp dụng những kiến thức học được vào kế hoạch hành động.



Ảnh: Các thành viên chuyến khảo sát do SPARK tổ chức đang cùng với cộng đồng và quan chức địa phương vẽ sơ đồ nguồn lợi, lịch mùa vụ và ma trận sử dụng ngư cụ để thảo luận về những tranh chấp trong quản lý nguồn lợi tự nhiên

Ronet Santos là Điều phối viên Chương trình VSO-SPARK Khu vực ở thành phố Quezon, Philipin. Có thể liên hệ với tác giả theo địa chỉ Ronet.Santos@vsoint.org. Để biết thêm về cộng đồng của Benjamin, xin liên hệ với Lembaga Bina Benua (LBB) Puti Jaji (Trung tâm Nâng cao Năng lực Nhân dân Bản địa) theo địa chỉ benua@samarinda.org. Để biết thêm về SPARK và cuộc khảo sát, xin liên hệ với Jocel.Pangilinan@vsoint.org

Từ tháng 1 năm 2000, chương trình 5 năm mang tên “Chia sẻ và khuyến khích về nhận thức và kiến thức khu vực (SPARK)” đã bắt đầu triển khai nhằm khuyến khích các hiệp hội địa phương học tập lẫn nhau về cách tiếp cận dựa vào cộng đồng đối với việc quản lý bền vững nguồn lợi tự nhiên và sinh kế ở Indônêxia, Philipin và Thái Lan. SPARK là một chương trình toàn diện gồm những hợp phần hỗ trợ lẫn nhau nhằm giúp đỡ các tổ chức và cộng đồng thực hiện các hoạt động quản lý tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích chung (CBNRM), thông qua các nhân viên tình nguyện phục vụ phát triển (VDW), các khoản tiền hỗ trợ nhỏ, hội thảo, hội nghị, nghiên cứu, tham quan học tập, cử chuyên gia ngắn hạn, học bổng, xuất bản tạp chí chương trình và lên danh sách các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện CBNRM. Tổ tư vấn gồm các 4 sáng lập viên của CBNRM, 2 cán bộ quản lý tình nguyện người bản địa thuộc tổ chức Hỗ trợ Tình nguyện Hải ngoại (VSO) và 2 tình nguyện viên cũng thuộc VSO sẽ chịu trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai ở mỗi quốc gia. SPARK cũng có quan hệ chặt chẽ với tổ chức trung tâm ở từng nước để đảm bảo rằng lợi ích đạt được trong thời gian hoạt động 5 năm sẽ được duy trì ở mạng lưới CBNRM của mỗi nước.

Đào tạo trực tuyến nhằm mở rộng kiến thức về nguồn lợi thủy sản

Robert T Raab và Jonathan Woods

Độc giả của tạp chí STREAM có thể đã biết về tầm quan trọng của nguồn lợi thủy sản và những thách thức trong việc quản lý nguồn lợi này để phát triển một cách bền vững. Trên thế giới hiện có khoảng 150 triệu người sinh sống nhờ nghề thủy sản, 1 tỷ người coi các sản phẩm thủy sản là nguồn cung cấp đạm cần thiết. Mục tiêu này gây ra sự cạn kiệt nghiêm trọng của nguồn lợi tự nhiên, trong khi đó nuôi trồng thủy sản – một giải pháp thay thế – lại chưa được chứng minh rộng rãi về tính bền vững hoặc dễ tiếp cận đối với người nghèo.

Thông tin – vấn đề chủ chốt

Nhiều người hoạt động trong lĩnh vực nguồn lợi thủy sản cho rằng việc áp dụng kiến thức - đặc biệt là những kiến thức cần thiết cho quản lý nguồn lợi thủy sản - một cách phù hợp có thể cải thiện được tính bền vững và khả năng tiếp cận. Theo ông Degnbol (1998), nghiên cứu thủy sản phần lớn tập trung vào các vấn đề “quản lý và phát triển”, do đó nếu tập trung cải tiến công tác quản lý để quản lý tốt hơn nguồn lợi có sẵn, sẽ hiệu quả hơn việc mở rộng nguồn lợi này. Meryl Williams - Tổng Giám đốc ICLARM - còn cho rằng “Kiến thức về sự tương tác trong các hệ thống nguồn lợi thủy sản – nước mặn, nước ngọt, biển, sông, hồ ao – nằm trong tay những người sử dụng chúng, vì vậy cần tạo cơ hội để họ đối thoại, trao đổi với nhau về cách quản lý nguồn lợi thủy sản bền vững, đặc biệt là những nguồn lợi có ảnh hưởng đến người nghèo” (ICLARM, 2002).

Đào tạo trực tuyến

Nghệ thuật “đưa kiến thức đến tay người sử dụng” hiện đang phát triển rất nhanh, khi mà các công nghệ xử lý và truyền thông tin (ICT) hiện đại cho phép các tổ chức dễ dàng truyền bá kiến thức đến khách hàng của mình. Chẳng hạn, các công cụ này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục và đào tạo chính thống cho những người có nghề nghiệp liên quan đến nguồn lợi thủy sản. Việc thực hiện đào tạo từ xa thông qua Internet (đào tạo trực tuyến) là một trong những ứng dụng thú vị. Đào tạo trực tuyến có thể được tiến hành ngay cả khi giảng viên và học viên cách xa nhau về thời gian, không gian hoặc cả hai, đồng thời tận dụng được công nghệ mạng máy tính để xây dựng, cải tiến, phổ biến và hỗ trợ cho quá trình học tập ở mọi lúc, mọi nơi.

Mặc dù không có chuyên gia về đào tạo trực tuyến, nhưng STREAM đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APRTC) để khai thác tiềm năng của lĩnh vực này. APRTC là một tổ chức về đào tạo trực tuyến được thành lập nhằm cung cấp các chuyên gia, mở các lớp học ảo trên mạng và đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật cơ bản mà STREAM có thể sử dụng phục vụ cho mục tiêu của mình.

APRTC

APRTC là một tổ chức khu vực hoạt động phi lợi nhuận, nhằm đóng góp vào phúc lợi của nông dân và ngư dân vùng Châu Á - Thái Bình Dương. Tổ chức này được thành lập để thúc đẩy việc sử dụng bền vững nguồn lợi tự nhiên thông qua việc cải thiện sự tiếp cận của người sử dụng với thông tin và kiến thức. Mặc dù các cải tiến trước đây trong nông nghiệp và thủy sản có được là nhờ sự nâng cao các đầu vào theo truyền thống, APRTC tin rằng sự cải thiện trong tương lai sẽ dựa vào việc áp dụng thông tin để quản lý nguồn lợi. Quản lý với kiến thức sâu rộng có thể làm tăng lợi nhuận, phát triển sản xuất và bảo đảm tính bền vững trong các lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản.

Chương trình đào tạo trực tuyến chủ yếu của APRTC có tên là *agLe@rn*, tập trung vào việc đào tạo thường xuyên cho các nhà chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản. Các cá nhân này có thể giúp nông dân và ngư dân tiếp cận với thông tin và kiến thức cần thiết để quản lý tốt hơn. Cũng giống như những nông, ngư dân khác trong cộng đồng, họ rất cần được tiếp cận dễ dàng đến những tri thức phục vụ sản xuất, những thông tin cập nhật và những cơ hội nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Đào tạo trực tuyến hết sức phù hợp với những nhu cầu đó, nhưng bước đi quan trọng đầu tiên là phải cung cấp cho những cá nhân này các kiến thức cơ bản về kỹ thuật số.

Kiến thức cơ bản về kỹ thuật số

Một yếu tố chính và đồng thời là cơ sở cho bất kỳ ai muốn tận dụng cơ hội được đào tạo và thông tin trên mạng chính là kiến thức cơ bản về kỹ thuật số, tức là “khả năng tiếp cận và khai thác dữ liệu mạng, đồng thời có thể hiểu và sử dụng những thông tin được truyền từ các máy tính”. Với một số kỹ năng cơ bản, phần mềm chuyên dụng và một máy tính nối mạng internet, bất kỳ ai cũng có thể:

- Giao tiếp với các cá nhân khác (cũng kết nối với mạng internet) mà không mất nhiều chi phí
- Tiếp cận với nguồn thông tin tổng hợp cũng như chuyên môn ngày càng phong phú trên mạng, thông qua những máy tính được kết nối trên toàn thế giới, và
- Tận dụng được các cơ hội đào tạo chính thức hoặc không chính thức qua các lớp học ảo

Hợp tác giữa STREAM và APRTC

Trọng tâm của phương hướng tiếp cận mà STREAM đang theo đuổi là “Tất cả các kênh truyền thông đều được xem xét sử dụng sao cho việc tuyên truyền được rộng rãi, nhanh chóng, tin cậy và tiết kiệm chi phí. Các kênh truyền thông đó bao hàm cả việc tiếp cận thông tin số hóa và sử dụng mạng internet, điện thoại, tài liệu in ấn và các hội nghị, hội thảo cấp quốc gia cũng như khu vực”. STREAM sẽ “... giúp thu thập và phổ biến thông tin, nâng cấp hệ thống phương tiện hiện có cũng như các kênh truyền thông khác nhằm mục tiêu chia sẻ kiến thức và học tập” (2002).

Nhưng do trình độ hiểu biết về kỹ thuật số còn hạn chế của các nhà chuyên môn quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nỗ lực này chưa đạt được kết quả mong muốn. Nếu nhân viên của STREAM và các đối tác địa phương thiếu kỹ năng và sự hiểu biết tối thiểu về kỹ thuật số, dự án này sẽ bị cản trở. STREAM đang cố gắng giải quyết vấn đề này bằng cách cho các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia tham gia khóa học 6 tuần trên mạng về “Kiến thức cơ bản về kỹ thuật số cho các nhà chuyên môn nông nghiệp” do APRTC tổ chức. Các trưởng phòng ở Campuchia, Thái Lan và Việt Nam đã tham gia khóa học này. Ngoài những người này, lớp học còn có các học viên khác (trên tổng số 14 người) đại diện cho nhiều ngành nông nghiệp khác nhau ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Chúng tôi hy vọng có thể viết một bài báo tiếp theo mô tả chi tiết những kinh nghiệm và các cuộc tiếp xúc giữa các thành viên STREAM khi tham gia khóa học “Kiến thức cơ bản về kỹ thuật số” trong tạp chí STREAM số tới. Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta có thể tiếp tục trao đổi về những ứng dụng của những kỹ thuật mới này để phổ biến trực tiếp các thông tin và kiến thức đến những người nghèo sử dụng nguồn lợi thủy sản. Một số nỗ lực đầu tiên đã chứng minh rằng ICT có thể được khai thác có hiệu quả để đến với các cộng đồng ở nông thôn (theo Fontaine và Fuchs, 2000).

Tài liệu tham khảo

Nhiều tác giả, 2002. STREAM: Con đường mới cho nuôi trồng thủy sản. *New Agriculturist Online*. www.new-agri.co.uk/02-1/development/dev01.html

Degnbol, P 1998. *Nghiên cứu thủy sản trong sự phát triển*. Viện Nghiên cứu Thủy sản Đan Mạch. Tóm tắt báo cáo trình bày tại hội nghị *Nghiên cứu thủy sản ở các nước đang phát triển*. Hội đồng Nghiên cứu Na-uy, Oslo, 21-22/10/1998. www.ifm.dk/reports/46.pdf

Fontaine, M và Fuchs, R 2000. Vòi nước chảy: Tạo cơ hội cho cộng đồng học tập với máy tính. *TechKnowLogia*, Tháng 5-6. Knowledge Enterprise, Inc. www.ict.aed.org/infocenter/pdfs.thewatering.pdf

ICLARM 2002 www.iclarm.org/objgov.htm

Robert T Raab là Giám đốc APRTC, Băng-cốc, Thái Lan, có thể liên hệ theo địa chỉ roberrt@aprtc.org. Jonathan Woods and người xây dựng trang Web cho AAPRRTC và có thể liên hệ theo địa chỉ woodsjonathan@hotmail.com

Để biết thêm về APRTC, về lớp “Kiến thức cơ bản về kỹ thuật số” và các khóa học khác, xin truy cập vào địa chỉ <http://www.aprtc.org>

Chiến lược sinh kế, vấn đề giới và sự tham gia cộng đồng trong nuôi trồng thủy sản: Phát hiện từ nghiên cứu có sự tham gia của người dân ở vùng Tây Bắc Sri Lanka

Lindsay J Pollock và David C Little

Giới thiệu

Một nét đặc trưng của tỉnh Tây Bắc Sri Lanka là ở đây có rất nhiều hồ chứa nhỏ phục vụ cho tưới tiêu nông nghiệp. Các hồ này vốn được đào để cung cấp nước quanh năm nhằm hỗ trợ cho cuộc sống của những người dân tái định cư theo các chương trình của chính phủ. Còn bây giờ, các hồ chứa này đã bắt đầu được sử dụng để nuôi cá rô phi, giúp đỡ cho cuộc sống của nhiều ngư dân và người bán cá. Khi thế hệ nông dân mới xuất hiện và chi phí sản xuất nông nghiệp tăng lên, nhiều cư dân địa phương cùng với con cái của họ phải đánh bắt tôm cá để cải thiện đời sống. Điều này gây ra áp lực lớn hơn cho nghề cá. Sản lượng khai thác ở hồ chứa thay đổi theo mùa: sản lượng cao nhất đạt được khi mực nước xuống thấp và gió lạnh, sản lượng ít nhất đạt được khi mực nước tăng cao và thời tiết xấu đi trong thời kỳ gió mùa.

Sự bất ổn định theo mùa của nguồn thu nhập từ đánh bắt cá đã gây ra thêm khó khăn cho những cộng đồng sống nhờ vào thủy sản. Để hạn chế sự dao động này, nhiều công trình nghiên cứu đầu tiên đã được tiến hành đối với việc nuôi cá rô phi thịt trong lồng tại các cộng đồng thuộc miền Tây Bắc. Cá giống được khai thác từ hồ chứa và sau đó đưa vào các lồng làm bằng nguyên liệu có sẵn ở địa phương với chi phí thấp. Cá được nuôi bằng thức ăn tự chế biến từ cám, cá hoặc phân cá - những thứ mà người dân thường không phải mất tiền mua.

Sự tham gia của người dân

Bài viết này đề cập đến những người dân tham gia vào thử nghiệm quy mô nông hộ việc nuôi cá lồng và những vấn đề mà họ gặp phải. Tính chất và mức độ tham gia của họ bị tác động bởi nhiều yếu tố. Đặc tính cộng đồng và giới tính của các thành viên tham gia là những yếu tố quan trọng trọng để xác định đối tác tham gia và vai trò của họ.

Cộng đồng nông nghiệp

Việc đánh bắt và bán cá chỉ dành cho nam giới. Công việc của phụ nữ là giặt và vá lưới, thỉnh thoảng tham gia chế biến và phối cá. Kết quả là, chỉ có nam giới ở các cộng đồng tỏ ra hứng thú khi tham gia vào các thử nghiệm nghiên cứu

Sự tham gia của phụ nữ: Nguyên nhân của hiện tượng này là do tập quán, cách khai thác và thiếu sự tiếp cận với nguồn lợi chính. Vì phụ nữ không đi đánh cá, nên họ không hiểu biết về con giống, cũng không có khả năng đi ra các lồng cá bằng thuyền để cho cá ăn. Chính điều này đã làm hạn chế sự tham gia của họ.

Sự tham gia của nam giới: Theo dõi về nghề nghiệp cho thấy rằng sự tham gia của nam giới vào nuôi cá lồng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động có thu nhập khác. Hoạt động nuôi cá bị bỏ qua khi họ tham gia vào các hoạt động trồng trọt. Điều này cho thấy rằng nuôi lồng không được ưu tiên cao, nhưng việc này có thể thay đổi trong tương lai. Các khảo nghiệm cho thấy do con giống không có nên nhiều thành viên ngừng nuôi lồng. Những người khác thì vẫn tiếp tục nuôi lồng và thu hoạch được sản phẩm. Kinh nghiệm hay của họ đã giúp nhiều người nông dân quyết định bắt đầu lại hoạt động nuôi lồng. Từ 1 lồng ban đầu, nhiều nông dân nuôi thêm đến 3 lồng. Họ thường làm các lồng nhỏ để nuôi chứ không làm lồng lớn vì sợ rủi ro.

Cộng đồng làng chài

Ở Sri Lanka, nhiều gia đình làm nghề chài lưới ở ven biển đã chuyển vào đất liền sinh sống xung quanh các hồ chứa lớn. Các cộng đồng này có truyền thống đánh cá lâu đời và không có kinh nghiệm về nông nghiệp. Phụ nữ ở các cộng đồng này có vai trò tích cực hơn so với cộng đồng nông nghiệp trong việc khai thác thủy sản và các hoạt động liên quan. Tuy vậy vai trò của phụ nữ trong khai thác thủy sản vẫn không rõ ràng. Một số cuộc thi đánh cá được tổ chức cho 2 nhóm, một nhóm của các ông chồng và một

nhóm của các bà vợ. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ có vẻ miễn cưỡng trong việc trong việc chèo thuyền và đánh cá khi thiếu sự hiện diện của nam giới. Điều này cho thấy phụ nữ vẫn phụ thuộc vào nam giới khi đi đánh cá.

Sự tham gia của phụ nữ: Khi ý tưởng nuôi cá lồng được giới thiệu ở nhóm cộng đồng này, phụ nữ là những thành viên đầu tiên tham gia và lắp đặt các lồng cá của họ trước nam giới. Mặc dù họ có hứng thú nhiều hơn, nhưng kinh nghiệm hạn chế đã ảnh hưởng đến khả năng điều hành các lồng cá của họ nếu không có sự tham gia của nam giới. Phụ nữ cần được nam giới khi đánh cá để đem về nuôi. Vì lý do này, nhiều phụ nữ nghèo nhất, đặc biệt là những người trụ cột gia đình, không thể tiến hành nuôi lồng. Phụ nữ có chồng bên cạnh hoặc có những họ hàng là nam giới khác vẫn có thể tiếp tục nuôi lồng vì họ hiểu tốt hơn về con giống do những người đàn ông đi đánh về. Nhiều phụ nữ cho biết những người thân thích không giúp cá giống cho họ vì người ta còn bận với công việc khác.

Khi phụ nữ nuôi cá, họ thường làm tốt hơn nam giới. Họ biết cách cho cá ăn tốt hơn (chế biến cá thừa và thức ăn thừa trong gia đình) và họ thường cho cá ăn đều đặn. Nhiều phụ nữ cho rằng chăn nuôi gia súc và nuôi cá cũng giống nhau.

Sự tham gia của nam giới: Sự quan tâm của nam giới vào nuôi cá lồng bị hạn chế do họ còn phải đi đánh cá. Cường lực khai thác ở các cộng đồng này lớn hơn nhiều, do đó họ có thể kiếm được thu nhập cao hơn từ đánh cá mà không cần phải chuyển sang các công việc khác. Người đàn ông làm việc khai thác nhưng việc cho cá ăn thường do phụ nữ và trẻ con đảm nhận.

Triển vọng trong tương lai

Hai đợt nghiên cứu vừa qua đã phản ánh tình hình tham gia của các thành phần gia đình trong nuôi thủy sản. Kết quả từ các cộng đồng nông nghiệp là đáng khích lệ vì nhiều nông dân tham gia vào dự án, cho thấy rằng họ hiểu được giá trị của việc nuôi cá lồng. Những giải pháp hoàn thiện trong tương lai để tăng hiệu quả nuôi có thể sẽ thu hút thêm nhiều người áp dụng công nghệ này. Các cộng đồng nông nghiệp thường hiểu biết sâu rộng hơn cộng đồng ngư dân về tầm quan trọng của việc đa dạng hóa ngành nghề để giảm bớt rủi ro. Nguy cơ khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản ở những hồ chứa lớn có thể buộc cộng đồng ngư dân phải tính đến việc đa dạng hóa các nguồn tạo thu nhập. Do đó, tính thích hợp của việc nuôi lồng nhỏ như một giải pháp giảm thiểu sự bất ổn trong thu nhập có thể trở nên quan trọng hơn đối với cộng đồng này trong tương lai.

Lindsay J Pollock là nghiên cứu sinh tiến sĩ khoa học, David C Little là giảng viên cao học của Tổ Hệ thống Nuôi, Viện Nuôi trồng Thủy sản, Đại học Stirling, Scotlen, Vương quốc Anh. Có thể liên hệ với các tác giả theo địa chỉ: l.j.pollock@stir.ac.uk và d.c.little@stir.ac.uk

Nuôi tôm sú ở miền Trung Việt Nam *Jesper Clausen*

Giới thiệu

Sự phát triển của nuôi tôm nước lợ nói chung, và đặc biệt là nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) đã được các tỉnh miền trung Việt nam chú ý nhiều, được sự quan tâm của cả chính phủ Việt Nam và người dân sống ở vùng ven biển. Lý do thì rất rõ ràng. Sản phẩm tôm P.monodon có thể tạo ra thu nhập đáng kể ở các vùng duyên hải, nơi mà các cơ hội kiếm tiền khác rất hạn chế. Những vùng được coi là đất hoang hay ruộng muối chỉ thu được ít tiền, có thể chuyển thành các ao nuôi tôm và lợi nhuận có thể tăng đáng kể. Tuy nhiên, trong việc làm này vẫn còn phải có những điều cần lưu ý.

Quản lý khu nuôi tốt hơn

Đầu tiên, phải nói rằng việc nuôi tôm sú cũng như các loài thủy sinh vật khác có thể được phát triển một cách bền vững về cả hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Ví dụ này có thể thấy được ở Việt Nam (Bộ Thủy sản, 2001) và các nước khác. Tuy nhiên, việc phát triển quá nhanh và hiện tượng “bùng nổ và phá sản” xảy ra ở Trung Quốc, Philipin và Đài Loan cũng đã chỉ ra những bài học về nuôi tôm không bền vững. Nguyên nhân của hiện tượng này là do những khu vực bị chuyển đổi không phù hợp thành ao tôm, do dịch bệnh lan tràn và quản lý khu nuôi không hợp lý. Điều này đe dọa đến các hoạt động có liên quan, đồng thời đe dọa hệ sinh thái ven biển và cả ngành thủy sản. Các vấn đề này có thể được giảm thiểu thông qua hoạt động quản lý khu nuôi tốt hơn.

Trường hợp ở Quỳnh Lưu cho thấy một số hạn chế trong việc phát triển sản xuất nuôi P.monodon phù hợp và bền vững. Có khá nhiều nitơ và photpho trong các dòng nước thải từ khu nuôi tôm áp dụng phương pháp bán thâm canh. So với con số thu được từ Thái Lan, thì dư lượng các chất này là ở mức cao. Lý do một phần là do hệ số thức ăn (FCR) cao, với tỷ lệ 3,4:1. Ở các ao quản lý tốt, FCR chỉ khoảng 1,5. Khi hệ số cao hơn sẽ tạo ra tỷ lệ tôm chết lớn, vì chất dinh dưỡng tăng và chất hữu cơ từ lượng thức ăn không sử dụng hết sẽ đi vào môi trường nước xung quanh. Hiện tại, thức ăn chiếm 46% tổng chi phí vận hành một ao nuôi bán thâm canh. Cùng với tỷ lệ chết cao (90-98%) ở Quỳnh Lưu, nên chẳng cần nâng cao quản lý việc cho ăn để đem lại lãi suất tốt hơn cho người nuôi vì tiết kiệm tiền, thức ăn, thời gian, bảo vệ môi trường và giảm ô nhiễm.

Bùn tích tụ ở các ao nuôi tôm trong thời kỳ nuôi vỗ là một tác động khác của việc nuôi tôm. Hiện tại, một số hộ nuôi ở Quỳnh Lưu đã vét bùn đáy, nhưng khoảng một nửa trong số những người được phỏng vấn cho biết họ có kế hoạch làm như vậy chỉ khi có đủ tiền. Nếu tất cả những người nuôi tôm thực hiện ý định tháo bùn ra kênh, thì sẽ gây ra vấn đề nghiêm trọng về ô nhiễm nguồn nước và do đó gây ảnh hưởng đến việc nuôi tôm và môi trường xung quanh.

Khoảng 90% người nuôi tôm ở Quỳnh Lưu lấy nước trực tiếp từ kênh rạch mà không qua xử lý trước. Việc làm đó chỉ có thể tiến hành với điều kiện chất lượng nước tương đối tốt. Nếu như phát triển thêm nhiều ao nuôi tôm ở huyện Quỳnh Lưu theo hướng bền vững, thì nên xử lý trước và dùng ao lắng cho các khu nuôi mới. Khi xây dựng thêm nhiều khu nuôi thâm canh thì khu nuôi quảng canh sẽ có nguy cơ phải đối đầu với vấn đề chất lượng nước bị suy thoái. Nếu người nuôi tôm nghèo không đủ nguồn tài chính để thay đổi cách nuôi, thì họ có thể phải giảm sản xuất do sự phát triển lớn mạnh của các khu nuôi tôm lân cận. Vì vậy, phát triển nuôi tôm phải đảm bảo rằng những người nghèo hơn ở vùng duyên hải không bị thua lỗ. Một số người nuôi tôm mới ở Quỳnh Lưu đã mất tiền và bây giờ còn nghèo hơn trước khi nuôi tôm.

Những vấn đề này có thể giải quyết được, hoặc ít nhất là có thể giảm thiểu được, nếu như người nuôi tôm khi bắt đầu xây trại nuôi có cách quản lý tốt hơn và học hỏi nhiều hơn về vấn đề môi trường và những nhân tố ảnh hưởng đến việc nuôi tôm. Không nên khuyến khích nông dân nuôi tôm sú khi họ chưa được tập huấn. Điều kiện thời tiết khắc nghiệt ở miền trung Việt Nam làm tăng tầm quan trọng về đào tạo kỹ thuật trước khi bắt tay vào nuôi tôm.

Định hướng phát triển và những vấn đề pháp lý

Nhiều vấn đề có thể giải quyết được thông qua quản lý khu nuôi, nhưng cần phải có định hướng cũng như các văn bản pháp quy cần thiết để kiểm soát sự phát triển của các trại tôm. Hiện tại, mặc dù chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp quản lý khu nuôi ở Việt Nam, nhưng những bước đi đầu tiên đã được thực hiện. Bộ Thủy sản hiện đang xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam. Hướng dẫn thực hiện Đánh giá Tác động Môi trường (EIA) ở cấp trung ương và địa phương cũng đang được xây dựng cho lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Chiến lược “Nuôi trồng thủy sản bền vững góp phần xóa đói giảm nghèo (SAPA)” mới được thông qua là cũng là một trong các hoạt động đang được triển khai.

Một vấn đề nảy sinh là việc đào ao nuôi tôm đang diễn ra một cách thiếu quy hoạch. Không có vấn đề pháp lý nào được quan tâm hoặc một quyết định nào được ban hành trong khi các khu nuôi tiếp tục được xây dựng. Một vấn đề khác cũng đáng quan tâm, đó là việc địa phương thực thi những văn bản hướng dẫn như thế nào sau khi chúng ra đời. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam cũng đã chú ý vấn đề này và một số quá trình đã có được sự tham gia đáng kể của người dân địa phương. Điều quan trọng là các quan chức chính phủ, các tổ chức phi chính phủ – những người sẽ chịu trách nhiệm thi hành các văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn – cũng cần phải tích cực ủng hộ cho những người nuôi tôm cũng như các đối tượng khác được tham gia. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các sáng kiến của chính phủ được thực hiện dễ dàng.

Kết luận

Việc nuôi tôm sú đã gặt hái được thành công ở các tỉnh miền trung Việt Nam. Tuy nhiên, ở một số tỉnh, do phát triển quá nhanh nên các sáng kiến về quy hoạch và môi trường gặp khó khăn khi tiến hành. Đã đến lúc phải xây dựng luật pháp và kế hoạch hóa vùng duyên hải trước khi khuyến khích nhân dân địa phương chuyển đổi từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp hiện tại sang nuôi tôm thâm canh. Nếu có thời gian để đào tạo và lên kế hoạch, thì sự “giảm tốc” tạm thời trở lại đối với sản xuất sẽ đem đến những lợi ích lâu dài cho một nghề nuôi tôm được quy hoạch tốt và hướng dẫn kỹ càng.

Tài liệu tham khảo

MOFI, 2001. SAPA: Nuôi trồng thủy sản bền vững nhằm xóa đói giảm nghèo – Chiến lược và quá trình thực hiện. Hà Nội, Việt Nam: Bộ Thủy sản

Jesper Clasen là trợ lý nghiên cứu cho tổ chức Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản Châu Á - Thái Bình Dương (NACA), Băngcốc, Thái Lan. Độc giả có thể liên hệ theo địa chỉ jesper@enaca.org

Sự phối hợp giữa các nhà hoạch định chính sách và đối tác
Tô Phúc Tường

Cơ sở hạ tầng và sự đổi mới

Nhu cầu về gạo cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu ngày càng tăng vào những năm 80 và 90 đã khiến cho chính phủ Việt Nam phải lên kế hoạch và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm tăng sản xuất gạo, đặc biệt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ năm 1993 đến 2000, đề điều và hệ thống cống đã được xây dựng dọc bờ biển ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu nhằm bảo vệ khoảng 200.000 ha đất nông nghiệp khỏi bị nhiễm mặn và để canh tác lúa. Vào cuối những năm 90, trước khi xây dựng hệ thống tưới tiêu và cống thoát ở Quản Lộ – Phụng Hiệp, Việt Nam đã xuất khẩu được 4 triệu tấn gạo hàng năm, giá gạo trên thị trường giảm nhanh.

Đồng thời, những người nuôi tôm truyền thống ở miền tây đã thực hiện một số cải cách trong công nghệ nuôi tôm nhằm nâng cao sản lượng của trại tôm. Họ không phải phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên, vì nguồn này hiện đang giảm đáng kể. Họ nhập tôm giống từ miền trung Việt Nam. Họ biết cách theo dõi và kiểm tra chất lượng nước ở khu nuôi của mình. Đồng thời, với quá trình cải cách kinh tế, tôm được xuất khẩu ra thị trường quốc tế và đã làm tăng đáng kể giá thu mua tại gốc.

Dự án có sự tham gia của cộng đồng

Dự án “Tăng cường xóa đói giảm nghèo thông qua quản lý bền vững nguồn lợi ở vùng đất ven biển chống nhiễm mặn: Nghiên cứu điểm ở Việt Nam” của DFID-CRF đã khởi phát từ năm 1999 và đi vào hoạt động từ đầu năm 2000. Dự án sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng và chính quyền địa phương để xác định tác động của các kế hoạch chống nhiễm mặn đối với môi trường và cuộc sống của người dân, và xác định công nghệ kỹ thuật có thể tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu tác động tiêu cực của các biện pháp chống nhiễm mặn đối với người sản xuất nhỏ.

Từ những giai đoạn ban đầu của dự án nghiên cứu này, các thành viên nhóm đã gắn kết chặt chẽ với quan chức địa phương trong việc giải thích mục tiêu nghiên cứu, thu nhận thông tin phản hồi và sự hợp tác của họ trong việc thu thập số liệu, báo cáo các phát hiện nghiên cứu. Sự tương hỗ này được thúc đẩy bởi một “ban điều phối địa phương” do Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đứng đầu, với ự trợ giúp của một nhân viên ở Trung tâm Khuyến ngư.

Việc làm và chính sách

Khi hệ thống thoát nước ở địa giới phía tây Quản Lộ – Phụng Hiệp bắt đầu hoạt động vào năm 2000, việc cung cấp nước lợ cho các ao nuôi tôm bị ngừng lại. Nhiều người nuôi tôm phải bỏ nghề, chịu thiệt hại lớn về thu nhập. Dự án thay đổi việc sử dụng đất một cách có hệ thống và tiến hành nghiên cứu kinh tế xã hội có sự tham gia cộng đồng để xác định tác động của kế hoạch điều thủy đối với sinh kế của những người giàu, trung bình và nghèo sống phụ thuộc vào lúa gạo và tôm. Dự án đã xác định rằng ngoài những người “thu lợi” (nông dân trồng lúa ở khu vực phía đông của vùng dự án), còn có nhiều người “chịu lỗ” (những người nuôi tôm ở phía đông vùng dự án, cũng như rất nhiều người nghèo hoặc không có đất canh tác sống nhờ vào nghề đánh bắt cá tự nhiên)

Những số liệu này, cùng với sự kiện những người “chịu lỗ” đào đê làm hỏng hệ thống chống nhiễm mặn xảy ra vào tháng 2/2001 đã đưa ra bằng chứng thuyết phục đối với chính quyền địa phương để họ trình chính phủ xem xét lại mục tiêu phát triển ban đầu, nghĩa là chỉ tập trung vào sản xuất lúa gạo. Chính quyền địa phương hiện cho phép thăm dò khả năng chuyển đổi sử dụng đất sang nuôi tôm ở miền tây của tỉnh, trong khi đó vẫn duy trì vùng trồng lúa ở miền đông.

Việc hoạch định chính sách và ra quyết định cần có nhiều cấp độ, để có thể tác động đến những thay đổi trong chính sách sử dụng đất và quản lý kế hoạch sử dụng nước nhằm giải quyết tình hình đang nảy sinh. Chính quyền tỉnh và huyện ở Bạc Liêu đã tham gia vào dự án để chỉnh sửa lại kế hoạch phân vùng sử dụng đất, xem xét tình hình hiện tại và nhu cầu của người dân, cũng như cơ hội và hạn chế của kế hoạch điều tiết nước. Khả năng thực hiện phân vùng sử dụng đất phụ thuộc vào việc quản lý phù hợp các cửa

cống, sao cho người nuôi tôm có thể lấy được nước lợ, người trồng lúa có thể lấy nước ngọt để làm ruộng nhiều vụ hoặc làm nương mỗi năm, nông dân những vùng chuyển đổi có thể nuôi tôm vào mùa khô và trồng lúa vào mùa mưa. Nhóm dự án đã sử dụng mô hình thủy lực và xử lý mặn ứng dụng công nghệ GIS để mô phỏng dòng chảy của nước ngọt và mặn trong mạng lưới kênh mương với các hệ thống cống khác nhau. Kết quả của việc mô phỏng được thảo luận với các quan chức tỉnh và huyện để lựa chọn kế hoạch phân vùng sử dụng đất đã được nhiều huyện hưởng ứng. Nhóm dự án cũng cung cấp số liệu và nhận được sự ủng hộ từ các nhà hoạch định việc sử dụng đất đai của Phân viện Quy hoạch và Dự án Nông nghiệp có cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động và hợp tác

Sử dụng mô hình thủy lực, nhóm dự án đã làm việc với công ty thủy nông – nơi phụ trách chương trình quản lý hệ thống tưới tiêu để xác định các cửa cống hiện tại có thể dùng để đưa nước mặn vào khu vực phía tây để nuôi tôm vào mùa khô, nhưng vẫn phải ngăn chặn sự nhiễm mặn vào các vùng trồng lúa ở miền đông. Phần lớn hoạt động của hệ thống cửa cống này được bắt đầu vào năm 2001. Chương trình hoạt động được chỉnh lý theo những số liệu phản hồi từ mạng lưới theo dõi tưới tiêu mà dự án giúp chính quyền địa phương xây dựng trong toàn tỉnh, và do cán bộ tỉnh phụ trách. Việc trao đổi qua thư điện tử giữa ban điều phối địa phương và thành viên nhóm dự án trong và ngoài nước đóng vai trò then chốt trong quá trình ra quyết định. Nhờ có được kết quả tốt trong năm 2001, chính quyền địa phương đã quyết định tiếp tục sử dụng mô hình này làm cơ sở để ra quyết định về quản lý nước trong năm 2002.

Trong thời gian còn lại của dự án từ nay đến tháng 4 năm 2003, nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục theo dõi và đánh giá tác động của những thay đổi này đối với cuộc sống người dân, đặc biệt tập trung vào nhóm người nghèo và chất lượng môi trường ở những vùng khảo sát. Hy vọng rằng những bài học thu được có thể được mở rộng đến các vùng duyên hải khác.

Tô Phúc Tường là kỹ sư quản lý nước ở Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế (IRRI), Los Banos, Philipin. Có thể liên hệ với tác giả theo địa chỉ T.Tuong@cgiar.org

Dự án đang được Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế hợp tác với Trường Đại học New Casstle, Trung tâm Quốc tế về Quản lý Nguồn lợi Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bạc Liêu, Phân viện Quy hoạch Thủy lợi và Trung tâm Bản đồ Nguồn lợi thực hiện.

**Vai trò của truyền thông trong việc giải quyết thách thức về dinh dưỡng
của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương**
Georgina Cairns

Dinh dưỡng tốt cho mọi người

Thực phẩm chúng ta ăn có nhiều chức năng: vừa là nguồn phát sinh, vừa là biểu tượng của sự sáng khoái, vui vẻ và tình bạn; vừa là nguồn dinh dưỡng thiết yếu, nhưng đôi khi cũng là mối đe dọa đến sức khỏe con người khi nó chứa các loại vi sinh vật, chất kháng dưỡng hay hóa chất. Để có chế độ ăn bổ dưỡng, phải có đủ nguồn thực phẩm với chất lượng dinh dưỡng tốt và đảm bảo vệ sinh. Khoa học dinh dưỡng và y học đã phân tích khá nhiều về thành phần dinh dưỡng của một chế độ ăn như vậy. Chúng ta vẫn chưa có sự hiểu biết cần thiết đối với việc làm thế nào có thể sử dụng tốt nhất kiến thức để xây dựng thông điệp dành cho sự lựa chọn những sản phẩm theo ý muốn nhưng vẫn an toàn. Tuy vậy, đã có nhiều tổ chức, cá nhân hữu quan đã dành sự quan tâm đến vấn đề này.

Hội nghị Quốc tế về Dinh dưỡng của WHO và FAO năm 1992 đã công nhận vai trò của thức ăn trong cuộc sống chúng ta, và thể hiện quan điểm rõ ràng của mình trong “Tuyên ngôn về dinh dưỡng và chương trình hành động”, rằng mục tiêu “Dinh dưỡng tốt cho mọi người” phải là một trách nhiệm chung. Để đạt được mục tiêu này, cần có đầu vào và sự cam kết của mọi thành phần trong xã hội: Nông nghiệp, y tế, giáo dục, tài chính, kế hoạch, công nghiệp thực phẩm, người tiêu thụ và các tổ chức phi chính phủ.

Hơn bất cứ khu vực nào trên thế giới, châu Á phải đối mặt với hai thách thức trái ngược nhau và ở những cấp độ ưu tiên khác nhau về thông tin và sức khỏe: Đó là thiếu và thừa dinh dưỡng.

Thiếu dinh dưỡng

Một phần lớn dân số châu Á đang thiếu những chất dinh dưỡng nhất định. Mặc dù tỷ lệ này đang giảm đi, nhưng hiện tượng suy dinh dưỡng vẫn là một vấn đề nan giải ở nhiều nước, và thậm chí ở vùng nông thôn còn phổ biến hơn. Có nhiều lý do giải thích điều này, chẳng hạn như những hạn chế trong sự lựa chọn và khả năng tiếp cận thực phẩm sản xuất tại chỗ, hoặc do tính bất ổn của thực phẩm hàng hóa.

Đói (hay suy giảm năng lượng protein) chính là ví dụ điển hình nhất về thiếu dinh dưỡng. Tuy vậy, sự thiếu hụt các vi dưỡng chất (đặc biệt là sắt, vitamin A, kẽm, iốt và canxi) có thể khó nhận biết, nhưng lại là nguyên nhân gây ra thể trạng ốm yếu ở người Châu Á. Thiếu dinh dưỡng được coi là kết quả trực tiếp và có tác động quan trọng đến sự phát triển của quốc gia. Thiếu vi chất khiến trí não kém phát triển, cơ thể dễ bị nhiễm bệnh, và làm tăng tỷ lệ chết ở trẻ em.

Phụ nữ ở lứa tuổi sinh nở và trẻ em đặc biệt chịu nhiều nguy cơ, vì nhu cầu dinh dưỡng của họ lớn hơn, và đôi khi tập quán đã khiến cho hai nhóm này phải ăn chế độ ăn kém nhất trong gia đình (chẳng hạn lượng nhiều chất ít, hoặc phải ăn cháo ngũ cốc khi cai sữa). Do đó, sức khỏe của 2 nhóm này chịu nhiều mối đe dọa, trong khi tình trạng thiếu đói lan tràn trong dân cư thường có quan hệ mật thiết với tỷ lệ mù chữ ở phụ nữ, thiếu cân ở trẻ sơ sinh và tình trạng chậm lớn ở trẻ em nói chung. Điều này cho thấy việc tập trung vào giúp đỡ các nhóm này có thể đem lại hiệu quả rất lớn. Cuộc chiến chống suy dinh dưỡng có thể phải sử dụng nhiều phương hướng tiếp cận thông qua hỗ trợ, tăng cường và cấp kinh phí cho các chương trình lương thực thực phẩm, tác động mang tính nông nghiệp – xã hội và qua các sáng kiến về giáo dục.

Thừa dinh dưỡng

Sự tiêu thụ calo, các chất béo ở trạng thái no và các hydrat-carbon, cùng với ít vận động làm tăng nguy cơ béo phì và những bệnh liên quan như tiểu đường, loãng xương, tim mạch và có thể cả ung thư. Những căn bệnh kiểu không lây nhiễm hay do lối sống như vậy đang tăng nhanh ở các nước châu Á.

Những kiểu bệnh này thường có mối liên hệ với sự giàu có của dân chúng. Tuy nhiên, không nên nói rằng giàu có là nguyên nhân của bệnh tật. Các căn bệnh đó không chỉ tác động đến những người nghèo nhất mà còn đến cả những người giàu nhất. Có thể có ích hơn nếu ta nhìn vào quan hệ giữa hoạt động thể

chất và việc gia tăng bệnh không truyền nhiễm. Quá trình phát triển công nghiệp và di dân từ nông thôn ra thành thị thường đi kèm với sự giảm bớt các hoạt động về thể chất.

Nhiều người trước đây làm việc chân tay như các hoạt động nông nghiệp, thì nay chuyển sang làm những công việc ít dùng sức lực hơn. Những người thường phải hoạt động quá nặng, đặc biệt là những người có thu nhập thấp và khẩu phần ăn hạn chế, lại thấy lượng thực phẩm tiêu thụ không đủ cho nhu cầu năng lượng hàng ngày của họ. Trong khi đó, những người ít vận động lại thấy khó khăn trong việc hạn chế khẩu phần ăn để bù đắp năng lượng tiêu hao của mình. Kết quả là, trọng lượng cơ thể dễ dàng tăng lên do lượng ca-lo thừa được chuyển thành mỡ. Thừa cân có liên quan đến nhiều loại bệnh về lối sống, và nhiều trường hợp đã chỉ ra rằng chỉ cần trọng lượng cơ thể giảm đi một phần vừa phải thì sẽ làm giảm các triệu chứng bệnh tật. Đồng thời, người ta cũng đã chứng minh được rằng hoạt động thể chất hạn chế là một nguy cơ tiềm ẩn độc lập, thậm chí đối với cả những người không bị quá cân.

Từ hướng dẫn đến thông tin dinh dưỡng

Các cách tiếp cận đến cả hai hiện tượng thiếu và thừa dinh dưỡng đã chuyển từ việc chỉ đơn thuần cung cấp những thông tin về khoa học dinh dưỡng trước đây sang khuyến khích tìm hiểu kỹ càng về những mối quan tâm, động lực và kiến thức hiện có của các nhóm mục tiêu. Chẳng hạn, những hướng dẫn về dinh dưỡng ngày càng tập trung vào phản ánh:

- Sự chủ động tại chỗ về lương thực thực phẩm (bao gồm cả chi phí, sự thuận tiện và tính mùa vụ)
- Lối sống (chẳng hạn như bao nhiêu thời gian được dành cho việc thu hái hoặc mua sắm, cho việc chuẩn bị bữa ăn và ăn uống)
- Tâm quan trọng của thức ăn với vai trò là nguồn tạo ra hứng thú (khẩu vị và thói quen là những nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn lương thực, thực phẩm)
- Vai trò điển hình của thực phẩm trong nền văn hóa bản địa (VD: nhiều hội hè, nghi lễ truyền thống có liên quan đến ăn uống hoặc nhìn ăn, và việc lựa chọn thức ăn được quyết định ở những dịp này).

Những thông tin mới về sức khỏe và lựa chọn thực phẩm cần có độ tin cậy. Một thông tin chỉ nên được sử dụng vào chế độ ăn và lựa chọn lối sống trong tương lai khi nó chứng minh được những lợi ích thiết thực và mức chi phí cá nhân (về mặt tài chính, xã hội, sự thuận tiện...) chấp nhận được. Việc sử dụng các mô hình và chiến lược xây dựng trên cơ sở những thay đổi nhỏ về ngân sách cũng có thể sẽ cần thiết cho việc tạo dựng lòng tin và sự tín nhiệm.

Một thuật ngữ có lẽ tốt hơn cả cho phương hướng tiếp cận tới các sáng kiến về giáo dục dinh dưỡng có thể là “thông tin dinh dưỡng”, vì nó nhấn mạnh vào nhu cầu tăng cường tác động sao cho vừa phù hợp với lối sống, vừa có cơ sở khoa học.

Georgina Cairns là Giám đốc Điều hành Trung tâm Thông tin Lương thực Thực phẩm Châu Á (AFIC). Độc giả có thể liên hệ theo địa chỉ info@afic.org

Hoạt động AFIC hướng vào việc cung cấp các thông tin trên cơ sở khoa học về an toàn thực phẩm và dinh dưỡng ở châu Á cho các chuyên gia y tế, các cơ quan nhà nước, ngành công nghiệp thực phẩm và mạng lưới thông tin đại chúng. Để có thêm thông tin chi tiết, xin truy cập vào địa chỉ www.afic.org

VÀI NÉT VỀ TẠP CHÍ STREAM

Tạp chí STREAM được xuất bản bởi:

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản khu vực (STREAM)
Địa chỉ: STREAM Initiative
NACA Secretariat
Suraswadi Building
Department of Fisheries Compound
Kasesart University Campus
Ladyao, Jatujak, Bangkok 10903, Thailand

Ban biên tập

Graham Haylor, Giám đốc STREAM
Lê Thanh Lựu, Điều phối viên STREAM Việt Nam
William Savage, Chuyên gia thông tin STREAM
Thay Somony, Điều phối viên STREAM Campuchia

Mục đích

Tạp chí STREAM được xuất bản hàng quý nhằm thúc đẩy sự tham gia, thông tin liên lạc và chính sách hỗ trợ sinh kế của người nghèo sử dụng nguồn lợi thủy sản ở châu Á- Thái Bình Dương, và để xây dựng mối liên hệ về quản lý nguồn lợi thủy sản với các lĩnh vực khác của khu vực. *Tạp chí STREAM* nêu lên các vấn đề về những người có cuộc sống liên quan đến việc quản lý nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là những người có nguồn lợi hạn chế, các cơ quan, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, cùng làm việc với cộng đồng. Các vấn đề này bao gồm việc học hỏi, quản lý tranh chấp, công nghệ thông tin liên lạc, quản lý nguồn lợi thủy sản, luật pháp, sinh kế, giới, sự tham gia của người dân, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin.

Một mục đích quan trọng khác của *Tạp chí STREAM* là tạo cơ hội cho những người dân bình thường trình bày quan điểm của mình trong một ấn bản chuyên môn. Nội dung *Tạp chí STREAM* không nhằm mục đích phản ánh quan điểm của một tổ chức hay cơ quan cụ thể nào đó, mà thể hiện những tiếng nói của các cá nhân giới thiệu kinh nghiệm của riêng mình. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung bài viết, còn *STREAM* xác nhận và chịu trách nhiệm về biên tập và tổng quan.

Xuất bản

Tạp chí STREAM được xuất bản dưới ba hình thức:

- bản điện tử được in và phân phối từ các Trung tâm thông tin của *STREAM*
- bản điện tử có thể lấy từ trang web của *STREAM* tại địa chỉ www.streaminitiative.org
- bản in do Ban thư ký NACA phân phối

Tham gia đóng góp

Tạp chí STREAM khuyến khích sự tham gia đóng góp các bài viết về những vấn đề cần quan tâm liên quan đến sử dụng nguồn lợi thủy sản. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể viết các bài báo về kinh nghiệm của mình (mỗi bài dài không quá 1000 từ, bằng tiếng Anh đơn giản) để đóng góp cho tạp chí.

Mọi sự tham gia đóng góp có thể chuyển tới William Savage, Tổng Biên tập tạp chí theo địa chỉ thư điện tử savage@loxinfo.co.th. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Graham Haylor, Giám đốc *STREAM*, theo địa chỉ ghaylor@loxinfo.co.th

TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ STREAM

Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực (STREAM) là sáng kiến nằm trong Chương trình hành động 5 năm của Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản châu Á - Thái Bình Dương (NACA). Mục đích của STREAM là hỗ trợ các cơ quan và tổ chức:

- Sử dụng thông tin hiện có một cách có hiệu quả hơn
- Hiểu biết tốt hơn về cuộc sống của người dân
- Tạo cơ hội cho người nghèo tham gia xây dựng các chương trình và chính sách có tác động đến cuộc sống của họ

Để thực hiện điều này, STREAM sẽ hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng các chương trình, chính sách, đồng thời xây dựng năng lực phục vụ cho việc:

- Xác định những vấn đề quản lý nguồn lợi thủy sản có tác động đến cuộc sống của người dân
- Theo dõi và đánh giá các phương thức quản lý khác nhau
- Thu thập thông tin
- Xây dựng mạng lưới nội bộ và ngoại vi giữa các ngành cũng như các quốc gia

Sáng kiến STREAM được hình thành trên cơ sở sự hợp tác và hỗ trợ giữa các đối tác AusAID, DFID, FAO, VSO với NACA. Sáng kiến STREAM hướng vào cách tiếp cận tổng thể, liên kết các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản và hỗ trợ họ tham gia thiết kế, thực hiện và quản lý sáng kiến này.

Công việc triển khai trong phạm vi hợp tác nói trên được điều phối ở từng nước thông qua Nhóm điều phối quốc gia gồm Điều phối viên (chuyên viên cấp cao được chính phủ đề cử), Trưởng phòng Thông tin Quốc gia và kết nối mạng lưới đối tác quốc gia. Trong 2 năm đầu, các Trưởng phòng Thông tin sẽ được STREAM hỗ trợ phân mềm, phần cứng, đào tạo, công nghệ thông tin, nhân sự và liên kết các đối tác trong nước thông qua mạng internet.

Hoạt động điều phối ở mỗi quốc gia sẽ được hướng dẫn trong Tài liệu chiến lược quốc gia được cập nhật hàng năm. Tài liệu này do Điều phối viên và Trưởng phòng Thông tin xây dựng với sự tư vấn của các đối tác, nhằm xác định các vấn đề chủ chốt, chỉ rõ các mối liên hệ ở cấp khu vực, những đề xuất và ưu tiên hành động, cũng như tìm kiếm thêm nguồn tài chính cho các lĩnh vực này từ phía STREAM hoặc những nhà tài trợ khác (thông qua sự trợ giúp của STREAM).

Văn phòng STREAM khu vực (đặt tại Trụ sở Ban Thư ký NACA ở Băngcốc – Thái Lan) sẽ chỉ đạo sáng kiến, thực hiện chức năng điều phối ở cấp khu vực, phân bổ kinh phí và quản lý các bộ phận phụ trách các mảng sinh kế, xây dựng chính sách, trao đổi thông tin và các vấn đề đặc biệt. Một ma trận trao đổi thông tin sẽ kết nối mọi mối quan hệ, bài học và hoạt động hợp tác.

Quá trình thực hiện STREAM sẽ diễn ra liên tục, ban đầu được thử nghiệm ở Campuchia và Việt Nam, và sẽ mở rộng ở các nước châu Á - Thái Bình Dương - nơi có cơ hội giải quyết vấn đề nghèo đói và ứng dụng phương pháp quản lý có hiệu quả. Khi đã có được kinh nghiệm và bài học, các ảnh hưởng tích cực sẽ được tạo ra và đó sẽ là cơ sở để có thêm nguồn tài trợ cho sáng kiến này. Chiến lược trao đổi thông tin của STREAM là làm tăng tác động bằng cách cố gắng phổ biến tới khắp vùng châu Á - Thái Bình Dương những kiến thức và tin tức hiện có về các diễn biến phát triển đang diễn ra ở khu vực này. Tạp chí STREAM cũng như Diễn đàn Điện tử của nó trên trang web STREAM đều là những hợp phần của chiến lược đó.

Các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia của STREAM:

Campuchia: Sem Viryak. Địa chỉ thư điện tử: cfdo@camnet.com.kh
Việt Nam: Trần Ngọc Mai (tạm thời) . Địa chỉ thư điện tử: streamsapa@hn.vnn.vn